TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/DS-PT
Ngày 26-01-2024
V/v tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2023/TLPT-DS ngày 23/11/2023 về "Tranh chấp nợ hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2024/QĐ-PT ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1965

1.2. Ông Trần Tâm Đ, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Tâm Đ: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1983

2.2. Ông Nguyễn Chiến L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị S, ông Trần Tâm Đ và trong quá trình tố tụng bà Phạm Thị S (cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ) trình bày:

Bà làm chủ các dây hụi lúa, trong đó bà V tham gia với tư cách hụi viên 03 dây hụi có lãi và có hoa hồng, cụ thể:

Dây hụi lúa 1000kg (kilogam) vụ Lấp năm 2015, mở ngày 17/11/2015 âm lịch, có 15 phần, bà V tham gia 01 phần. Sau khi tham gia bà V đóng hụi sống được 1 lần thì hốt hụi, bà V kêu giá 320kg lúa, tiền thảo cho chủ hụi là 300kg lúa, bà giao cho V 9540kg lúa với 5.700đ/kg thành tiền là 54.378.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà V đóng lại hụi chết được 09 lần thì không đóng nữa (lần đóng sau cùng là mùa Lấp vụ năm 2019), hiện nay bà V còn nợ lại 04 lần chưa đóng là 4000kg lúa với giá hiện nay 7.000đ/kg thành tiền là 28 triệu đồng. Khi bà giao tiền hụi cho bà V có lập biên nhận giao tiền bà V và anh L cùng ký tên. Dây hụi này đã mãn hụi vào vụ Hè tháng 8 năm 2020.

Dây hụi lúa 1000kg (kilogam) vụ Hè năm 2016, mở ngày 16/9/2016 âm lịch, có 15 phần, bà V tham gia 01 phần. Sau khi tham gia bà V đóng hụi sống được 1 lần thì hốt hụi, bà V kêu giá 380kg lúa, tiền thảo cho chủ hụi là 300kg lúa, bà giao cho V 8760kg lúa với 5.700đ/kg thành tiền là 49.930.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà V đóng lại hụi chết được 09 lần thì không đóng nữa (lần đóng sau cùng là mùa Lấp vụ năm 2019), hiện nay bà V còn nợ lại 04 lần chưa đóng là 4000kg lúa với giá hiện nay 7.000đ/kg thành tiền là 28 triệu đồng. Khi bà giao tiền hụi cho bà V có lập biên nhận giao tiền bà V và anh L cùng ký tên. Dây hụi này đã mãn hụi vào vụ Lấp vụ tháng 11 năm 2020.

Dây hụi lúa 1000kg (kilogam) vụ Hè năm 2018, mở ngày 06/8/2018 âm lịch, có 14 phần, bà V tham gia 01 phần. Sau khi tham gia bà V đóng hụi sống được 4 lần thì hốt hụi, bà V kêu giá 420kg lúa, tiền thảo cho chủ hụi là 500kg lúa, bà giao cho V 8720kg lúa với 6.100đ/kg thành tiền là 53.190.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà V không đóng lại hụi chết lần nào, hiện nay bà V còn nợ lại 09 lần chưa đóng là 9000kg lúa với giá hiện nay 7.000đ/kg thành tiền là 63 triệu đồng. Khi bà giao tiền hụi cho bà V có lập biên nhận giao tiền bà V và anh L cùng ký tên. Dây hụi này mãn vào vụ Lấp vụ tháng 11/2022.

Một lần hụi là một vụ lúa, một năm có khi làm 3 vụ lúa, có khi 2 vụ lúa. Khi mở hụi thì bà có làm một tờ cam kết hụi ghi ngày tháng mở hụi, dây hụi bao nhiêu lúa, vụ lúa nào, tên hụi viên rồi phô tô ra nhiều bản giao cho mỗi hụi viên 1 tờ để khi hụi viên đóng hụi bà sẽ ghi vào mặt sau của tờ cam kết. Bà xác nhận 03 tờ cam kết hụi 1000kg lúa ghi ngày 17/11/2015, ngày 16/9/2016 và ngày 06/8/2018 do bà V nộp cho Tòa án đúng là giấy hụi của hai bên, phần viết tay ở mặt trước và mặt sau đều do bà ghi, là chữ viết của bà.

Tháng 8/2020, nhiều hụi viên hốt hụi nhưng không chịu đóng lại hụi chết, bà không còn khả năng xoay tiền chàng hụi nên bà thông báo xả hụi đến tất cả hụi viên biết, và nói rõ hụi viên nào đã hốt rồi thì đóng hụi chết đầy đủ cho bà, hụi viên chưa hốt mà mới vô đóng ít thì bà trả vốn lại, hụi viên đã đóng nhiều lần rồi thì bà trả lãi. Tuy nhiên, bà V cho rằng bà xả hụi không mở hụi nửa nên không chịu đóng

hụi chết cho bà, bà yêu cầu đóng hụi nhiều lần thì bà V nói trả vốn lại thì bà cũng đồng ý nhưng bà yêu cầu trả một lần thì bà V không đồng ý, bà V chỉ nói 1 vụ trả cho 3 dây hụi 10 triệu đồng nhưng không đưa tiền, bà có yêu cầu trả tiền trực tiếp cho hụi viên khác nhưng cũng không chịu nên bà mới khởi kiện.

Do đó, vợ chồng bà yêu cầu bà V cùng chồng là anh Nguyễn Chiến L có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền hụi còn nợ của 3 dây hụi lúa là 17.000 kg với giá 7000đ/kg thành tiền là 119 triệu đồng (một trăm mười chín triệu đồng).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Bà có tham gia 03 dây hụi lúa 1000kg do bà Phạm Thị S làm hụi thảo (chủ hụi), hụi có lãi và có hoa hồng, cụ thể:

Dây hụi lúa 1000kg (kilogam) vụ Lấp vụ năm 2015, mở ngày 17/11/2015 âm lịch, có 15 phần, bà tham gia 01 phần. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống được 01 lần thì hốt hụi, kêu giá 320kg lúa, tiền thảo cho chủ hụi là 300kg lúa, bà S giao hụi cho bà là 9540kg lúa với 5.700đ/kg thành tiền là 54.378.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà đóng lại hụi chết được 09 lần thì ngưng không đóng nữa (lần đóng sau cùng là mùa lấp vụ năm 2019), hiện nay bà còn nợ lại 04 lần chưa đóng. Dây hụi này nay đã mãn chưa thì bà không biết.

Dây hụi lúa 1000kg (kilogam) vụ Hè năm 2016, mở ngày 16/9/2016 âm lịch, có 15 phần, bà tham gia 01 phần. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống được 01 lần thì hốt hụi, kêu giá 380kg lúa, tiền thảo cho chủ hụi là 300kg lúa, bà S giao hụi cho bà là 8760kg lúa với 5.700đ/kg thành tiền là 49.930.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà đóng lại hụi chết được 09 lần thì ngưng không đóng nữa, hiện nay bà còn nợ lại 04 lần chưa đóng. Dây hụi này nay đã mãn chưa thì bà không biết.

Dây hụi lúa 1000kg (kilogam) vụ Hè năm 2018, mở ngày 06/8/2018 âm lịch, có 14 phần, bà tham gia 01 phần. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống được 04 lần thì hốt hụi, kêu giá 420kg lúa, tiền thảo cho chủ hụi là 500kg lúa, bà S giao hụi là 8720kg lúa với 6.100đ/kg thành tiền là 53.190.000 đồng. Đối với dây hụi này sau khi bà hốt hụi xong vào vụ Lấp vụ 2019 (nếu làm 3 vụ/năm thì vụ lấp vụ là tháng 11) thì bà S không khui hụi nữa cũng không thông báo xả hụi đến hụi viên mà do các hụi viên hỏi biết được rồi tự chuyền tai nhau nên bà ngưng không đóng hụi cho dây hụi này cùng với 2 dây hụi trước cho bà S. Dây hụi này bà còn nợ lại 09 lần chưa đóng, hụi này nay đã mãn chưa bà cũng không biết.

Sau khi xả hụi rồi, đến khoảng giữa năm 2020, bà S đến gom hụi bà xin trả vốn dần dần, xin một vụ trả 10 triệu đồng cho 3 dây hụi nhưng bà S không đồng ý, yêu cầu trả vốn thì trả một lần, còn trả dần dần thì phải trả đủ nên bà không đồng ý.

Một lần hụi là một vụ lúa, một năm có khi làm 03 vụ lúa, có khi 02 vụ lúa. Khi mở hụi thì bà S có làm một tờ cam kết hụi 1000kg lúa, nội dung ghi ngày tháng năm mở hụi, dây hụi bao nhiêu lúa, vụ lúa nào, tên hụi viên rồi phô tô ra nhiều bản giao cho mỗi hụi viên 1 tờ để khi hụi viên đóng hụi đưa cho bà S ghi vào vào mặt sau của tờ cam kết. 03 tờ cam kết hụi 1000kg lúa ghi ngày 17/11/2015, ngày 16/9/2016 và ngày 06/8/2018 bà nộp cho Tòa án là do bà S ghi.

Bà thừa nhận bà còn nợ bà S 17 lần hụi chết chưa đóng nhưng do bà S xả

hụi, trả vốn lại cho hụi viên chưa hốt hụi nên bà cũng xin trả vốn cho bà S, cụ thể dây hụi ngày 17/11/2015 bà còn nợ 04 lần nhân với lúa lúc nhận 680kg = 2720kg; dây hụi ngày 16/9/2016 bà còn nợ 04 lần nhân với lúa lúc nhận 620kg = 2480kg; dây hụi ngày 06/8/2018 bà còn nợ 09 lần nhân với lúa lúc nhận 580kg = 5220kg, tổng cộng là 10.420kg lúa theo giá 7000đ/kg thành tiền là 72.940.000đ và yêu cầu xin trả dần mỗi vụ là 4.000.000đ.

Việc bà chơi hụi của bà S, chồng bà có biết, khi nhận tiền hụi cũng có ký tên nhận tiền nên đây là nợ chung của vợ chồng. Nay vợ chồng bà trả số tiền hụi là 10.420kg lúa theo giá 7000đ/kg thành tiền là 72.940.000đ và yêu cầu xin trả dần mỗi vụ là 4.000.000đ.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị S, ông Trần Tâm Đ. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Chiến L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S, ông Đ số tiền hụi là 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, cho vợ chồng bà được trả tiền vốn hụi 72.940.000 đồng và xin trả dần theo mỗi vụ lúa 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà V thay đổi một phần nội dung kháng cáo, theo đó bà xin rút lại yêu cầu trả lại tiền hụi vốn, bà đồng ý trả số tiền 119.000.000 đồng cho bà S, bà chỉ kháng cáo xin trả dần số tiền trên theo từng vụ lúa.

Nguyên đơn bà S không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V xin rút lại một phần nội dung kháng cáo, bà đồng ý trả số tiền nợ hụi 119.000.000 đồng như cấp sơ thẩm tuyên nên căn cứ các Điều 284, 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đình chỉ một phần kháng cáo của bà V.

[2] Về nội dung: Bị đơn kháng cáo xin trả dần số tiền nợ hụi 119.000.000 đồng theo từng vụ lúa. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành không có quy định về việc trả dần, đồng thời nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284, Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Đình chỉ một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V đối với số tiền nợ hụi;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị S, ông Trần Tâm Đ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Chiến L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị S, ông Trần Tâm Đ số tiền hụi là 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Nguyễn Chiến L phải chịu 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị S, ông Trần Hùng Đ1 số tiền 2.971.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001303 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001347 ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng